

Bản án số: 45/2026/HS-ST
Ngày: 26-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Vinh
2. Ông Nguyễn Khánh Thành

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Lê Thành Đ**, sinh năm 1995, tại: Đồng Nai; **căn cước công dân số G**, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Nơi cư trú: **tổ B, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông **Lê Đức N**, sinh năm 1961 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Thúy M**, sinh năm 1963; có vợ **Phạm Thị Mỹ D**, sinh năm 1997; có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 16-5-2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 38/2019/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 19-01-2023.

Bị tạm giữ từ ngày 12-9-2025, tạm giam từ ngày 21-9-2025 tại Phân trại tạm giam **H, Công an tỉnh Đ** cho đến nay, (Có mặt).

2. **Đào Văn A**, sinh năm 1976, tại: Hà Nội; **căn cước công dân số A**, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Nơi cư trú: **Tổ F, khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai**; Nơi ở hiện nay: **Tổ D, khu phố N, phường H, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Làm thêm; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông **Đào Văn Đ1**, sinh năm 1952 (đã chết) và bà **Đinh Thị C**, sinh năm 1956; có vợ **Vũ Thị Kim L**, sinh năm 1979; có 03 người con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 12-9-2025, tạm giam từ ngày 21-9-2025 tại Phân trại tạm giam H cho đến nay. (Có mặt).

3. Lê D1, sinh năm 1986, tại: Đồng Nai; căn cước công dân số G1, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Nơi cư trú: Tổ D, khu phố B, phường H tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Lê Văn T, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Phạm Thị N1, sinh năm 1959; bị cáo chưa vợ; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 15-9-2025, tạm giam từ ngày 21-9-2025 tại Phân trại tạm giam H cho đến nay (Có mặt).

- Người làm chứng: Chị Vũ Thị Kim L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ D, khu phố N, phường H, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành Đ, Đào Văn Á và Lê D1 có mối quan hệ bạn bè do cùng là những đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Vào khoảng tháng 06/2025, Lê Thành Đ nói với Đào Văn Á, Lê D1 khi nào có ma túy thì đưa về nhà của Á tại tổ D, khu phố N, phường H, tỉnh Đồng Nai để cùng nhau sử dụng, Á, D1 đồng ý.

Vào ngày 05/8/2025, Đ đi bộ đến C thuộc phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai gặp 01 người đàn ông tên Tý L1 (không rõ nhân thân, lai lịch). Tại đây, Tý L1 đưa cho Đ 01 gói ma túy loại Ketamine được gói trong 01 tờ tiền (loại tiền lưu niệm của nước ngoài, không có giá trị sử dụng) để dùng thử, Đ đồng ý và bỏ gói ma túy vào chiếc ví giả da màu đen rồi đi đến nhà của Á chơi và cởi quần Jean màu đen Đ đang mặc bên trong có chứa chiếc ví giả da màu đen chứa ma túy treo lên sào phơi đồ trong phòng ngủ của Á (Á không biết bên trong có chứa ma túy Ketamin).

Vào khoảng 07 giờ ngày 04/9/2025, Lê Thành Đ đến C thuộc phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai gặp Tý L1 mua 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng), với số tiền 300.000 đồng rồi đi đến nhà của Đào Văn Á thấy Á đang làm vườn, Đ rủ Á cùng sử dụng ma túy nhưng Á nói Đ vào trong phòng ngủ của Á sử dụng ma túy trước còn Á sử dụng sau, Đ đi vào phòng ngủ của Á lấy ra 01 chai thủy tinh, có nắp gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh để sử dụng ma túy. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Tý L1 đi đến nhà của Á gặp Đ rồi nhờ Đ cất giấu 01 cân tiểu ly và 10 túi ny lon (dạng túi zip) bên trong không chứa gì, Đ đem vào phòng ngủ của Á cất giấu. Sau đó, Đ nói cho Á biết còn ma túy bên trong nỏ thủy tinh để Á sử dụng rồi Đ đi về. Vào khoảng 10 giờ cùng ngày, Lê D1 đến, đi vào trong phòng ngủ của Á nhìn thấy ma túy còn trong nỏ thủy tinh nên đem ra bên hông nhà sử dụng. Khi đang sử dụng thì Á đi đến nên D1 đưa ma túy cho Á sử dụng.

Khoảng 08 giờ ngày 08/09/2025, Lê Thành Đ tiếp tục mua của Tý L1 01 gói ma túy đá (không rõ khối lượng), với số tiền 600.000 đồng rồi mang về nhà tại tổ B, khu

phố E, phường L, tỉnh Đồng Nai cất giấu. Vào lúc 19 giờ cùng ngày, Đ mang gói ma túy đi đến nhà Đào Văn Á. Tại đây, Đ lấy gói ma túy bỏ vào hộp đựng bông tăm để Đ, Á, D1 sử dụng. Khoảng 10 phút sau thì D1 đi đến nhà Á, thấy Á và Đ đang ngồi nói chuyện nên D1 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy, dùng tăm bông chùi sạch nỏ thủy tinh và lấy ma túy Đ để trong hộp tăm bông ra cất đồ vào nỏ thủy tinh rồi sử dụng. Sau đó, đưa cho Á sử dụng nhưng Á vừa ăn cơm xong nên D1 đưa cho Đ tiếp tục sử dụng ma túy. Khi D1 và Đ đi về thì Á lấy ma túy đang còn trong nỏ thủy tinh sử dụng. Đến ngày 12/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của Đào Văn Á phát hiện tang vật để sử dụng ma túy. Cùng ngày, Á, Lê Thành Đ lần lượt bị bắt khẩn cấp, đến ngày 15/9/2025, Lê D1 bị bắt.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ gồm:

- 01 cân tiểu ly; 10 túi nylon (dạng túi zip) bên trong không chứa gì;
- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 chai thủy tinh, có nắp đậy, trên nắp đậy có 01 lỗ tròn gắn nỏ thủy tinh, trên thân bình có 01 lỗ gắn ống hút nhựa) (ký hiệu mẫu M1);
- Một ví da màu đen, một tờ tiền nước ngoài (loại tiền lưu niệm của nước ngoài, không có giá trị sử dụng) gấp hình chữ nhật bên trong chứa chất bột màu trắng (ký hiệu mẫu M2);
- 17 viên nén màu đỏ (ký hiệu mẫu M3).

Tại Bản kết luận giám định số 2224/KL-KTHS ngày 18/9/2025 của phòng K Công an tỉnh Đ về số ma túy thu giữ kết luận:

- Mẫu chất màu nâu bám trong nỏ thủy tinh (mẫu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại: **Methamphetamine**. Mẫu dạng vệt, không xác định được khối lượng.

- Mẫu chất bột màu trắng (mẫu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3225gam loại: **Ketamine**.

- Mẫu các viên nén màu đỏ (mẫu M3) được niêm phong gửi đến giám định có khối lượng: 5,6706gam, loại: **Ibuprofen**.

Ibuprofen không thuộc danh mục thuộc Nghị định số 90/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKSNT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thành Đ về các tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024, năm 2025) và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024, năm 2025); bị cáo Đào Văn Á và Lê D1 về tội: “Tổ

chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a,b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị như sau:

(1) Về tội danh: đề nghị tuyên bố:

Bị cáo **Lê Thành Đ** phạm các tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo **Đào Văn Â** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo **Lê D1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

(2) Về hình phạt:

+ Đề nghị áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thành Đ** 08 (T1) năm đến 08 (T1) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 03 (Ba) năm đến 04 (B) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 11 (Mười một) năm đến 13 (Mười ba) năm tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đào Văn Â** từ 07 (B) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (T1) năm tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê D1** từ 07 (B) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị quyết định về các biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm.

- *Ý kiến của các bị cáo:* Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận.

- *Lời nói sau cùng của các bị cáo:* Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt

2.1. Về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo **Lê Thành Đ**, **Đào Văn Á** và **Lê D1** đã bàn bạc thống nhất với nhau khi nào có ma túy thì đưa về nhà của **Á** tại **tổ D, khu phố N, phường H, tỉnh Đồng Nai** để cùng nhau sử dụng. Từ ngày 04/9/2025 đến ngày 08/9/2025, tại **tổ D, khu phố N, phường H, tỉnh Đồng Nai**, **Lê Thành Đ** chuẩn bị ma túy, dụng cụ sử dụng, **Đào Văn Á** cung cấp địa điểm và **Lê D1** lau chùi bộ dụng cụ và rủ rê để cùng nhau 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi nêu trên của **Lê Thành Đ**, **Đào Văn Á** và **Lê D1** đã đủ yếu tố để cấu thành tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024, năm 2025).

2.2 Về tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

Đối với **Lê Thành Đ**, ngoài việc cung cấp ma túy để tổ chức sử dụng, bị cáo còn cất giấu khối lượng ma túy 0,3225 gam ma túy loại Ketamine. Do đó, hành vi cất giấu ma túy của **Lê Thành Đ** đủ yếu tố để cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2024, năm 2025).

Như vậy, Cáo trạng số 58/CT-VKSTN ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Chúng ta biết rằng, ma túy là chất độc hại gây nghiện ngập, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác. Nhà nước ta có quy định rất chặt chẽ đối với những hoạt động có liên quan các chất ma túy, mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán, sử dụng,... trái phép ma túy đều bị nghiêm cấm và xử lý theo pháp luật. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo **Đào Văn Á** và **Lê D1** có nhân thân tốt, bị cáo **Lê Thành Đ** có nhân thân xấu vào ngày 16-5-2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 38/2019/HSST.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[7] Về tính chất đồng phạm

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **Đ** là người khởi xướng, rủ rê mọi người sử dụng ma túy, chuẩn bị ma túy, dụng cụ sử dụng

để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo **Đào Văn Á** và **Lê D1** là người giúp sức tích cực, **Á** cung cấp địa điểm, **Lê D1** lau chùi bộ dụng cụ, nấu ma túy nên mức hình phạt của **Đ** phải cao hơn **Á** và **Đ**.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, trước và sau thời điểm phạm tội, các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) nỏ thủy tinh, 01 (Một) gói chứa ma túy, 17 viên nén màu đỏ sau giám định được niêm phong trong một phong bì ký hiệu số 2224/KL-KTHS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của **Phòng K Công an tỉnh Đ** là vật cấm lưu hành; 01 (Một) chai thủy tinh, 01 cân tiểu ly, 10 túi nylon (dạng túi zip) bên trong không chứa gì và 01 ví da màu đen không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

[10] Về án phí

Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên **Tý L1** đã bán ma túy cho **Lê Thành Đ** do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[12] Về luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo **Đ** và **D1** là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên mức hình phạt đối với bị cáo **Á** có phần nghiêm khắc nên chấp nhận một phần đề nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a,b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2024, năm 2025) đối với các bị cáo.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2024, năm 2025) đối với bị cáo **Lê Thành Đ**.

- Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 3 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Thành Đ** phạm các tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo **Đào Văn Á** và **Lê D1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

1.1. Xử phạt bị cáo **Lê Thành Đ** 08 (T1) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 03 (Ba) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 11 (Mười một) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12-9-2025.

1.2. Xử phạt bị cáo **Đào Văn Á** 07 (**B1**) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12-9-2025

1.3. Xử phạt bị cáo **Lê D1** 07 (**B1**) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15-9-2025.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tiêu hủy 01 (một) nỏ thủy tinh, 01 (Một) gói chứa ma túy, 17 viên nén màu đỏ sau giám định được niêm phong trong một phong bì ký hiệu số 2224/KL-KTHS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**; 01 (Một) chai thủy tinh, 01 cân tiểu ly, 10 túi nylon (dạng túi zip) bên trong không chứa gì và 01 ví da màu đen (*Vật chứng hiện đang do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đồng Nai quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/01/2026*)

3. Về án phí: Buộc các bị cáo **Lê Thành Đ**, **Đào Văn Á** và **Lê D1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; (1)
 - VKSND khu vực 4 - Đồng Nai; (2)
 - CQCSĐT Công an tỉnh Đồng (PC 01); (1)
 - CQTHAHS CA tỉnh Đồng Nai (PC 10); (1)
 - Phòng HSNV CA tỉnh Đồng Nai (PV 06); (1)
 - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4; (1)
 - Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; (1)
 - Bị cáo; (1)
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn. (1)
- (1)
(5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; (1)
- VKSND khu vực 4 - Đồng Nai; (2)
- CQCSĐT Công an tỉnh Đồng (PC 01); (1)
- CQTHAHS CA tỉnh Đồng Nai (PC 10); (1)
- Phòng HSNV CA tỉnh Đồng Nai (PV 06); (1)
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; (1)
- Ủy ban nhân dân xã Gia Kiệm; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn. (5)

Nguyễn Thị Cẩm Phương